TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **25**/2019/DS-ST
Ngày: 11-9-2019
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Đặng Hoàng Mơn.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST - DS ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần (TMCP) A; Trụ sở Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, phường A, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc, người đại diện theo ủy quyền ông Võ Thanh T - Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận. Có mặt.

* *Bị đơn*: Ông Ngô Văn G, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày:

Ngày 15/10/2015 ông Ngô Văn G có ký hợp đồng tín dụng số 3513/2015/KG/HĐTD - LienVietPostBank với Ngân hàng TMCP A chi nhánh tỉnh Kiên Giang số tiền đề nghị vay trong hợp đồng là 199.000.000đồng (Một trăm chín mươi chín triệu đồng) mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 10/11/2015. Bên

vay phải trả lãi và trả gốc làm 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.317.000 đồng, kỳ cuối trả 3.297.000 đồng. Lãi suất cho vay là 12% /năm, trả lãi hàng tháng, cùng với kỳ trả gốc theo dư nợ giảm dần. Ông Ngô Văn G đã nhận đủ số tiền 199.000.000 đồng theo giấy giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 15/10/2015.

Tính đến ngày 22/5/2019 bên vay đã chậm thanh toán gốc và lãi cho LienVietPostBank tổng số tiền là 126.026.648 đồng trong đó:

Nợ gốc: 106.124.000 đồng;

Nợ lãi: 19.902.648 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn G phải trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu tính đến ngày 22/5/2019 số tiền là 126.026.648 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 106.124.000 đồng; Nợ lãi: 19.902.648 đồng, số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 3513/2015/KG/HĐTD - LienVietPostBank, ngày 15/10/2015 kể từ ngày 06/6/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông Ngô Văn G phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 106.124.000 đồng và lãi tính đến ngày 11/9/2017 là 23.847.782 đồng (trong đó nợ trong hạn là 14.650.660 đồng và lãi quá hạn 9.197.122 đồng).

Tại bản tự khai đề ngày 03/6/2019 bị đơn ông Ngô Văn G trình bày: Thống nhất lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng về quá trình ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng về số tiền vay thời gian vay, lãi suất thỏa thuận.

Hiện nay ông G thừa nhận còn thiếu ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên. Nhưng do điều kiện gia đình nên ông Giang chưa thanh toán được số nợ trên cho Ngân Hàng. Nay ông G hứa hàng tháng trả cho ngân hàng 1.500.000 đồng, khi giải quyết được công việc gia đình sẽ trả thêm cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Ngô Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông G không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông G.

[**2**] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tại đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông G trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay gốc và lãi là 126.026.648 đồng trong đó: Nợ gốc: 106.124.000 đồng; Nợ lãi: 19.902.648 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định Ngân hàng yêu cầu ông G trả cho Ngân hàng số nợ gốc là 106.124.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 14.650.660 đồng, lãi quá hạn là 9.197.122 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 129.971.782 đồng. Quá trình thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*" nhưng qua đối chiếu theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hợp đồng vay tài sản là tiền giữa Tổ chức tín dụng với khách hàng là hợp đồng tín dụng. Do đó Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[**3**] *Nội dung tranh chấp*: Nguyên đơn phía Ngân hàng và bị đơn ông G đều thống nhất vào ngày 15/10/2015 ông G có vay của Ngân hàng A số tiền 199.000.000 đồng và lãi suất hai bên thỏa thuận là 12%/năm. Thời hạn cho vay là 60 tháng. Phương thức trả nợ là trả từng lần chia thành 60 kỳ. Tính đến ngày 11/9/2019 thì ông G còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 106.124.000 đồng và lãi là 23.847.782 đồng. Phía nguyên đơn là Ngân hàng và bị đơn là ông G thống nhất số nợ trên nên HĐXX căn cứ Điều 92 (*Quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận đó là sự thật.

[**4**] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A thấy rằng*: Việc Ngân hàng cho ông G vay tiền có lập hợp đồng và đều được các bên thừa nhận và thống nhất số tiền vay. Các bên chỉ không thống nhất được với nhau về phương thức và thời gian trả nợ vay. Phía Ngân hàng yêu cầu ông G phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi. Ông G xin trả dần hàng tháng theo như hợp đồng tín dụng nhưng số tiền giảm xuống 1.500.000 đồng, nhưng yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý. Mặc dù hợp đồng tín dụng chưa hết hạn nhưng do phía ông G không thực hiện đúng theo sự thỏa thuận ban đầu là không trả nợ theo như các kỳ thỏa thuận nên Hội đồng xét căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu phía ông G thanh toán nợ trước khi hợp đồng tín dụng hết hạn. Do đó, HĐXX có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Ngô Văn Giang trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vốn gốc là 106.124.000 đồng.

[**5**] *Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc yêu cầu trả lãi suất trong hạn và lãi quá hạn gốc với số tiền là 23.847.782 đồng*: Hội đồng xét xử thấy rằng khi cho vay các bên đã thỏa thuận lãi suất vay là 12%/năm, bên bị đơn cũng thống nhất không có ý kiến gì. Xét thấy việc tự thỏa thuận lãi suất giữa các bên trong hợp đồng vay là phù hợp theo quy định tại Điều 91 (Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng) của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi suất khoản nợ vay, buộc ông Ngô Văn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền lãi 23.847.782 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại cổ phần A là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Ngô Văn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là 106.124.000 đồng và tiền lãi là 23.847.782 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 14.650.660 đồng và lãi quá hạn là 9.197.122 đồng). Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi mà ông G bị buộc trả cho Ngân hàng là 129.971.782 đồng.

[**6**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 129.971.782 đồng x 5% = 6.498.500 đồng, bị đơn ông Ngô Văn G chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 92; Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7 và khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Ngô Văn G.

Buộc bị đơn ông Ngô Văn G phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc 106.124.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2019 là 23.847.782 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 14.650.660 đồng và lãi quá hạn là 9.197.122 đồng). Tổng cộng số tiền ông G phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A là 129.971.782 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. *Về án phí*: Ông Ngô Văn G phải chịu án phí 6.498.500 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.150.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000178, ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/9/2019). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. /.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)